

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 16-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Mạnh Dũng

Bà Hoàng Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hợi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Vĩnh Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/TL-HSST ngày 14 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/HSST-QĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Vy Văn L, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1965 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 6/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Minh T và bà Hà Thị N (đã chết); có vợ là Dương Thị B; có 03 người con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xét xử về hình sự. Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lương Văn C - Trợ giúp viên pháp của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Đàm Văn P; Triệu Văn C; Hoàng Văn C; Hoàng Văn G; Hoàng Văn S; Vy Ngọc T; Nguyễn Khánh T. Đều có mặt.

Ông Hoàng Văn L; Hoàng Văn T; Hoàng Văn T1; La Ngọc L; Phùng Văn M. Đều vắng mặt.

- Đại diện Ủy ban nhân dân xã Bì, huyện B: Ông Hoàng Văn T, chức vụ Chủ tịch. Có mặt. Ông Vy Quang T, chức vụ Phó chủ tịch. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Đại diện Hạt kiểm lâm huyện B: Ông Nông Văn T, chức vụ Phó hạt trưởng; ông Lương Đình L, chức vụ Kiểm lâm viên. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để việc đi lại vào đất rừng được thuận tiện, phục vụ cho việc trồng, chăm sóc rừng và khai thác gỗ, củi, bị cáo Vy Văn L đã tự mở đường vào đất rừng của gia đình được Nhà nước giao cho quản lý, sử dụng. Nên đầu tháng 10 năm 2017 bị cáo Vy Văn L đã nhờ La Ngọc L, sinh năm 1962, trú tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giúp tìm thuê máy xúc. La Ngọc L biết Nguyễn Khánh T, sinh năm 1967, trú tại Xóm C, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là người quản lý máy xúc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L, địa chỉ Tổ 9, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có máy xúc cho thuê nên đã giới thiệu cho Nguyễn Khánh T để mở đường cho bị cáo và một số hộ dân tại thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, bị cáo Vy Văn L và các hộ dân là ông Vy Ngọc T, Hoàng Văn L, Hoàng Văn C, Hoàng Văn S, Hoàng Văn G, Hoàng Văn T và Hoàng Văn T1 cùng trú tại thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã ký hợp đồng viết tay, thỏa thuận thuê máy xúc mở đường với La Ngọc L, giá tiền công là 550.000đồng/01 giờ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng một giờ thuê máy xúc). Do chưa có tiền trả tiền thuê máy xúc, bị cáo Vy Văn L cùng các hộ dân trên còn nhờ La Ngọc L là sau khi mở đường sẽ khai thác một số gỗ, củi hai bên đường để La Ngọc L giới thiệu người mua gỗ, củi lấy tiền trả tiền thuê máy xúc.

Quá trình san ủi để mở đường vào đất rừng của Vy Văn L phải đi qua đất rừng của Đàm Văn P, sinh năm 1968, trú tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nên Vy Văn L đã đặt vấn đề nhờ mở đường qua đất nhà Đàm Văn P với tổng diện tích san ủi là 1.147m², toàn bộ chi phí thuê máy xúc mở đường qua đất nhà ông Đàm Văn P do Vy Văn L chịu trách nhiệm thanh toán. Còn diện tích san ủi ở đường trên đất rừng của Vy Văn L là 4.873,14m², quá trình mở đường Vy Văn L đã dùng máy cưa chặt phá một số cây hai bên đường với khối lượng là 2,641m³ gỗ, việc mở đường, chặt phá cây do Vy Văn L tự ý làm không có giấy phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định.

Các hộ dân còn lại quá trình mở đường đã san ủi diện tích như sau: Diện tích san ủi của Hoàng Văn S là 1.755,59m²; Đàm Văn P là 1.147m²; Vy Ngọc T là 2.163,25m²; Hoàng Văn C là 1.616,26m²; Hoàng Văn G là 1.291,5m²; Triệu Văn C là 368m². Khi mở đường Hoàng Văn S đã tự ý chặt phá 3,823m³ gỗ; Hoàng Văn C chặt phá 1,204m³ gỗ; Vy Ngọc T chặt phá 4,395m³ gỗ.

Qua điều tra đã xác định được: Bị cáo Vy Văn L đã thuê máy xúc san ủi đất rừng của mình được giao là lô 163, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp

xã Bình La đo đạc năm 2008, thuộc khoảnh số 6, tiểu khu 171B có mục đích sử dụng là đất rừng phòng hộ. Diện tích đất rừng bị cáo san ủi phá hủy thành đường đi là 4.873,14m², được trừ đi lối mòn đã có sẵn là 1.092,28m², diện tích san ủi phá mới đo được là 3.780,86m².

Còn đất rừng của các hộ dân Đàm Văn P thuộc thửa đất 153, Hoàng Văn C thuộc thửa đất 184, Hoàng Văn G thuộc thửa đất 195, Triệu Văn C thuộc thửa đất 185, Hoàng Văn S thuộc thửa đất 217, Vy Ngọc T thuộc thửa đất 189 được Nhà nước giao quản lý, đều là rừng sản xuất. Vì diện tích phá hủy là đất rừng sản xuất, với diện tích (như nêu trên), chưa đủ căn cứ khởi tố hình sự (chưa đủ về diện tích bị phá hủy), nên công an huyện B đã xử phạt hành chính theo quy định (phạt tiền, tịch thu máy cưa và gỗ).

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Vy Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi hủy hoại rừng với diện tích là 3.780,86m² như nêu trên, nhưng đề nghị xem xét việc bị cáo tận thu gỗ, cải tạo rừng đã được Ủy ban nhân dân xã B ký xác nhận cho phép cải tạo rừng.

Đối với La Ngọc L, là người được Vy Văn L và các hộ dân khác nhờ tìm thuê máy xúc để mở đường qua đất rừng, sau đó La Ngọc L giới thiệu để Nguyễn Khánh T cho máy xúc san ủi mở đường theo yêu cầu của các hộ dân nói trên, quá trình thỏa thuận nhận san ủi rừng La Ngọc L hay Nguyễn Khánh T không biết đã được cấp phép hay chưa, mà chỉ được Vy Văn L và các hộ dân nói có xin giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B, đã đồng ý đưa máy xúc đến san ủi, chứ không có hành vi giúp sức, hay hỗ trợ gì cho bị cáo trong việc san ủi phá rừng trái phép, do vậy xác định đây là thỏa thuận dân sự nên không xem xét về trách nhiệm hình sự.

Về vật chứng vụ án: Ngày 24/11/2017 Ủy ban nhân dân xã B, huyện B đã ra Quyết định tạm giữ tang vật là số gỗ tạp tròn đều thuộc nhóm V-VIII, cụ thể: 2,641 m³ của Vy Văn L; 4,395 m³ gỗ của Vy Ngọc T; 3,823 m³ gỗ của Hoàng Văn S; 1,204 m³ gỗ của Hoàng Văn C.

Ngày 30/11/2017 Phòng PC49 Công an tỉnh Lạng Sơn đã tạm giữ 04 (Bốn) máy cưa tay màu đỏ, có tem mác chữ Trung Quốc, đã qua sử dụng của Vy Văn L, Hoàng Văn S, Hoàng Văn C và Vy Ngọc T.

Về toàn bộ số gỗ và cưa máy của Vy Ngọc T; Hoàng Văn S; Hoàng Văn C, đã được công an huyện Bình Gia xử lý theo quyết định xử phạt hành chính là tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khối lượng 2,641m³ gỗ do Vy Văn L chặt phá và 01 máy cưa tay của Vy Văn L dùng để cắt gỗ hiện được lưu giữ theo quy định, để xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-HS ngày 14/9/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia đã truy tố bị cáo Vy Văn L ra trước Tòa án nhân dân huyện Bình Gia để xét xử về tội Hủy hoại rừng, theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị thay đổi diện tích rừng do bị cáo phá hủy so với nội dung bản cáo trạng, cụ thể căn cứ biên bản ngày 04/01/2018 đã xác định diện tích đất rừng bị phá là 4.873,14m², nay căn cứ

biên bản xác định lại ngày 03/10/2018 chỉ còn là 3.780,86m², do trừ diện tích đường mòn đã có trước khi bị san ủi. Sau đó Viện kiểm sát luận tội và tranh luận, xác định bị cáo có đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, bản thân được nhà nước giao đất rừng để quản lý, phát triển rừng từ năm 1995, đến năm 2008 có biết việc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn quy hoạch đất rừng của bị cáo là rừng phòng hộ và trong 3 năm 2013, 2014, 2015 đều được nhận tiền công trông coi rừng phòng hộ là 11.000.000đồng. Do vậy, xác định hành vi thuê máy xúc san ủi gây biến dạng hiện trạng rừng phòng hộ là trái quy định, khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép; còn bị cáo nói rằng đã được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận, nhưng căn cứ đơn đề nghị xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B (không có ngày, tháng, năm) thì Vy Văn L chỉ ghi mục đích xin xác nhận cải tạo rừng là chặt hạ thu gom, tận dụng củi, trồng cây lâm nghiệp với phương án là dọn trồng rừng, chứ không xin san ủi mở đường vào đất rừng. Với diện tích bị cáo san ủi phá đất rừng là 3.780,86m², đã đủ yếu tố cấu thành tội Hủy hoại rừng. Nên giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vy Văn L phạm tội Hủy hoại rừng, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương, bản thân mới học hết lớp 6, sống trong xã vùng 3, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật. Nên áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, cải tạo tại địa phương. Về hình phạt bổ sung, do bị cáo là hộ cận nghèo, gia đình thuộc diện khó khăn, không có tài sản để áp dụng phạt tiền bổ sung, nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo; về vật chứng, đề nghị tịch thu máy cưa và số gỗ đã thu giữ để sung công quỹ Nhà nước theo quy định.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày: Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều luật là đúng quy định, không oan. Người bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên người bào chữa cho rằng gia đình bị cáo được giao đất rừng từ năm 1995, đến năm 2008 nhà nước quy hoạch là rừng phòng hộ, nhưng hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bản thân chưa rõ cụ thể là loại đất rừng gì, đã vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương với mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng nộp tiền phạt bổ sung, đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; về vật chứng hiện tạm giữ đề nghị xử lý theo luật định.

Bị cáo Vy Văn L không có ý kiến tranh luận bổ sung, mà thừa nhận toàn bộ hành vi thuê máy xúc san ủi và chặt cây gỗ tạp như nêu ở trên, công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia truy tố là đúng tội; bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét vì hoàn cảnh gia đình có ít đất ruộng, đất rừng để sản xuất; bản thân không hiểu quy định pháp luật, chỉ nghĩ đơn giản là nhà nước giao cho mình được quản lý đất rừng thì có quyền mở đường để đi lại thuận tiện vào phát triển rừng, chứ không san ủi có mục đích phá hủy rừng. Nên bị cáo xin hưởng mức án nhẹ nhất và mong muốn được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về quá trình điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra, Điều tra viên công an huyện Bình Gia; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Là lời khai nhận tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm, đo đạc hiện trường và các lời khai người làm chứng là ông Đàm Văn P, Triệu Văn C, Hoàng Văn C, Hoàng Văn G, Hoàng Văn S, Vy Ngọc T, Hoàng Văn L là các hộ dân được cùng bị cáo thuê máy xúc san ủi đất rừng, cụ thể xác định: Ngày 06 tháng 10 năm 2017, bị cáo Vy Văn L có hợp đồng thỏa thuận thuê máy xúc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L, địa chỉ Tổ 9, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên do ông Nguyễn Khánh T là người quản lý để mở đường vào đất rừng của bị cáo Vy Văn L là lô 163, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B đo đạc năm 2008, thuộc khoảnh số 6, tiểu khu 171B có mục đích sử dụng là đất rừng phòng hộ. Diện tích đất rừng bị cáo san ủi phá hủy là 3.780,86m² không có giấy tờ cấp phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định.

[3] Căn cứ mục 3 phần IV Thông tư liên tịch số: 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao. Hướng dẫn việc áp dụng một số Điều của Bộ luật Hình sự về lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Cụ thể, tại điểm b mục 3.6 của mục 3 phần IV của Thông tư quy định về tội hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là hủy hoại các loại rừng này với diện tích rừng trên mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện hành. Căn cứ Nghị định số: 157/2013/NĐ/CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, tại điểm c khoản 4 Điều 20 của Nghị định này, quy định mức phạt tối đa rừng phòng hộ bị phá hủy có diện tích là 3.000m². Trong khi đó xác định bị cáo Vy Văn L hủy hoại rừng phòng hộ là 3.780,86m², là đã trên mức tối đa. Do vậy có đủ căn cứ tuyên bố bị cáo phạm tội Hủy hoại rừng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia truy tố và đề nghị xét xử bị cáo theo nội dung bản Cáo trạng là đúng hành vi, đúng người, đúng tội, không oan.

[4] Về áp dụng Bộ luật hình sự, thấy bị cáo thực hiện hành vi hủy hoại rừng trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực, lẽ ra phải áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999, nhưng theo Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội Hủy hoại rừng, thì việc hủy hoại rừng phòng hộ chỉ được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 (là hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng) và mức hình phạt từ 7 năm đến 15 năm tù. Trong khi đó Bộ hình sự năm 2015 quy định (hủy hoại

rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000m² đến dưới 7.000m²) thì bị truy tố, xét xử tội Hủy hoại rừng, theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 1 năm đến 5 năm tù. Nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt nhẹ hơn, có lợi cho bị cáo. Do vậy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối bị cáo theo luật định.

[5] Xem xét, đánh giá vai trò, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có nhận biết được việc san ủi đất rừng phòng hộ khi chưa được sự cho phép của cấp có thẩm quyền là sai, vi phạm pháp luật, xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước về rừng phòng hộ theo quy định. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; có bố đẻ ông Vy Minh T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; về tăng nặng không có. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, lần phạm tội này là lần đầu với mục đích muốn có đường rộng hơn để tiện cho việc đi lại, phát triển rừng, nên đã phạm tội, chứ không có mục đích phá hoại khác, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo luật định.

[6] Từ những nhận định đánh giá trên, căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng là phù hợp. Nhưng việc tự ý san ủi rừng phòng hộ là do mục đích phát triển kinh tế, bản thân bị cáo sinh sống tại xã vùng 3, vùng đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn là hộ cận nghèo, diện tích đất rừng phòng hộ bị san ủi ở mức thấp của mức xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo luật định, không có tình tiết tăng nặng, hiện làm ruộng có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Tại phiên tòa đại diện Ủy ban nhân dân xã B nơi bị cáo sinh sống, cũng có nhận xét và đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, do vậy căn cứ khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương với thời gian thử thách theo luật định là thỏa đáng, có căn cứ pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội Hủy hoại rừng, theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015, lẽ ra phải buộc bị cáo nộp một khoản tiền phạt bổ sung, để sung quỹ Nhà nước, nhưng do gia đình bị cáo là diện hộ cận nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản để bảo đảm việc thi hành án. Nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[8] Đối với việc san ủi phá diện tích đất rừng của Hoàng Văn S là 1.755,59m²; Đàm Văn P là 1.147m²; Vy Ngọc T là 2.163,25m²; Hoàng Văn C là 1.616,26m²; Hoàng Văn G là 1.291,5m²; Triệu Văn C là 368m². Nhưng vì diện tích phá hủy đều là đất rừng sản xuất, diện tích phá hủy chưa đủ căn cứ khởi tố hình sự, nên đã bị xử phạt hành chính là đúng quy định.

[9] Đối với ông La Ngọc L là người giới thiệu cho Nguyễn Khánh T đến thực hiện việc cho máy xúc san ủi rừng, nhưng không biết đã được cấp phép hay chưa, mà chỉ làm theo yêu cầu của bị cáo và các hộ dân có rừng muốn mở đường, mục

đích để lấy tiền công, nên xác định đây là thỏa thuận dân sự, cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là đúng pháp luật.

[10] Qua xét hỏi tại phiên tòa và các tài liệu đã thu thập được thấy quá trình quản lý các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã B, Kiểm lâm địa bàn đã thiếu trách nhiệm, không kiểm tra. Vì bị cáo và các hộ dân thuê máy xúc san ủi hơn 1 tháng, nhưng không được kiểm tra, ngăn chặn ngay, dẫn đến rừng bị phá hủy xong mới phát hiện. Căn cứ Điều 264 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần kiến nghị các cơ quan này có những biện pháp khắc phục ngay để bảo đảm công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn có hiệu quả hơn theo quy định.

[11] Về xử lý vật chứng, căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 90 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Đối với 2,641m³ gỗ do bị cáo chặt phá trái quy định (hiện gửi giữ tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B); 01 máy cưa tay của bị cáo dùng vào việc cắt gỗ hiện được lưu giữ, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[12] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vy Văn L phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

[13] Quan điểm đề nghị của người bào chữa cho bị cáo cơ bản có căn cứ, nên được xem xét để chấp nhận như nhận định nêu trên. Còn lý do sau khi nhà nước quy hoạch là rừng phòng hộ, bị cáo chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không biết chính xác là đất gì, là không căn cứ. Bởi lẽ, trong quá trình quản lý sử dụng rừng, bị cáo đã được nhận 11.000.000đồng tiền trông coi quản lý rừng phòng hộ, nên buộc bị cáo phải biết đây là rừng phòng hộ, do vậy không coi tình tiết này để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[14] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 243; Điều 50 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 2 Điều 65; điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 90 và điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Vy Văn L phạm tội Hủy hoại rừng.

Xử phạt bị cáo Vy Văn L 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là (Hai) 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Giao các bị cáo Vy Văn L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo này.

Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Miễn phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Vy Văn L.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 2,641m³ gỗ (hiện gửi giữ tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn) và 01 máy cưa tay màu đỏ của bị cáo Vy Văn L.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự với Công an huyện Bình Gia.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Vy Văn L phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- Công an H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- CCTHADS H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- Bị cáo Vy Văn Lương;
- Các cơ quan, tổ chức liên quan;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Dương Xuân Tĩnh

